TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2018/HNGĐ-ST
Ngày 29/10/2018
V/v: "Ly hôn giữa chị Th với anh L"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Tư Duy
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Lâm Giang;
2. Ông Nguyễn Quốc Sửu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sự - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện VKSND huyện T, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bộ - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 232/2018/TLST - HNGĐ ngày 15/8/2018 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 128/2018/QĐST- HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 72/2018/QĐST-HNGĐ ngày 11/10/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Th, sinh năm 1995 (có mặt)
Nơi cư trú: Thôn R, xã Đ, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Chí L, sinh năm 1991 (vắng mặt)
Nơi cư trú: Thôn Đ1, xã Đ, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn xin ly hôn đề ngày 07/3/2018, bản tự khai và biên bản lấy lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Vũ Thị Th trình bày:

Chị và anh L kết hôn ngày 24/10/ 2016, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện T. Sau khi kết hôn, chị và anh L về chung sống với nhau ngay tại gia đình nhà chồng, thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, đến tháng 8 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh L ham chơi, không chăm lo gia đình, vợ chồng hay đánh cãi nhau, tháng 12 năm 2017 chị phải về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, anh L có gọi chị về chung sống nhưng chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên không

về. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2017 cho đến nay, hai bên không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn anh L.

Về con chung, tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian chung sống: Chị xác định không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà hôm nay: Chị Th có mặt vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình.

* Đối với anh Nguyễn Chí L là bị đơn trong vụ án mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng tại các buổi hòa giải, làm việc của Tòa án anh L đều vắng mặt không có lý do và Tòa án đã thông báo cho anh L về các chứng cứ Tòa án đã thu thập có trong vụ án nhưng anh L không có ý kiến gì và không cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ để chứng minh cho quyền lợi của mình.

Tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Chí L vắng mặt.

* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử đã đảm bảo theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị Th chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn anh L không chấp hành đúng quy định của pháp luật. Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Th được ly hôn với anh L.

Án phí sơ thẩm: Chị Vũ Thị Th phải chịu 300.000 đồng.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh L tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Chí L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị Th và anh Nguyễn Chí L kết hôn ngày 24/10/2016, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đ. Trước khi kết hôn, hai bên đã được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, chị Th và anh L về chung sống với nhau ngay. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc. Đến tháng 8/2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, làm ăn, vợ chồng đã xảy ra đánh cãi chửi nhau. Tháng 12/2017, do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên chị Th phải về nhà

bố mẹ đẻ sinh sống. Vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không đoàn tụ được nên chị xin ®ưîc ly h«n với anh L. Tại biên bản xác minh của Tòa án thì hai bên gia đình và chính quyền địa phương đều xác định vợ chồng chị Th, anh L có xảy ra mâu thuẫn, có thời gian sống ly thân từ tháng 12/2017. Xét thấy, cuộc sống chung của chị Th và anh L đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần xử cho chị Th được ly hôn với anh L là phù hợp với quy định Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung, tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Chị Th xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Vũ Thị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Vũ Thị Th và anh Nguyễn Chí L.

[2] Án phí: Chị Vũ Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2017/0002111 ngày 15/8/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

[3] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS T;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Tư Duy